

Bản án số: 06/2018/DS-ST  
Ngày 14/6/2018  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Dân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Hạnh

Ông Bùi Huy Xuân

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:***  
Bà Trần Minh Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐST-DS ngày 26/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1957;

Hộ khẩu thường trú: Số 78, đường L, phường N, Quận 1, thành phố H;

Chỗ ở hiện nay: Khu tập thể công nhân Công ty Trách nhiệm hữu hạn may Tân Mỹ, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàn G, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp P, thị trấn N, huyện C, tỉnh B.

*(ông P có mặt, ông G vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P trình bày: Ngày 11 tháng 3 năm 2016 ông Nguyễn Hoàn G có vay của ông Nguyễn Hồng P số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Việc vay mượn được lập thành giấy tay và có chữ ký của ông G và ông P. Thời hạn trả nợ là 11 tháng kể từ ngày vay và có thỏa thuận lãi suất là 3%/01 tháng, lãi trả hàng quý (03 tháng trả lãi một lần) với mục đích vay là để tiêu dùng. Khi vay tiền ông G không thể chấp tài sản gì. Số tiền 60.000.000đ (sáu

mười triệu đồng) mà ông G vay của ông Nguyễn Hồng P nêu trên không liên quan gì đến vợ ông G.

Đã quá thời hạn trả nợ, ông P đã nhiều lần yêu cầu ông G trả số tiền nợ nêu trên cho ông P nhưng ông G vẫn không trả.

Trong đơn khởi kiện ông P có yêu cầu ông G phải có trách nhiệm trả cho ông P số tiền nợ gốc là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh từ số tiền nợ trên nhưng sau đó ông P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Nay ông P chỉ yêu cầu ông G phải trả cho ông P số tiền nợ gốc là 60.000.000đ, còn lãi suất phát sinh thì ông P không yêu cầu ông G phải trả.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàn G từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện thì ông G đều vắng mặt nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Tuy thời hạn giải quyết án kéo dài, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu còn chậm nhưng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung tranh chấp. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng nên làm ảnh hưởng tới thời hạn giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ kiện: Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông P, buộc ông G phải trả số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) cho P theo giấy vay tiền ngày 11-3-2016.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hồng P phù hợp với quy định tại điều 186, 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Tòa án chấp nhận để xem xét. Nội dung khởi kiện là tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn N, huyện C, tỉnh B, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàn G được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[2] Xét đơn yêu cầu của ông Nguyễn Hồng P yêu cầu ông Nguyễn Hoàn G trả số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), thấy:

Ngày 11 tháng 3 năm 2016, ông P có cho ông G vay số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) với thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày vay. Nay đã quá hạn trả nợ, nhưng ông G vẫn chưa trả được cho ông P số tiền vay nêu trên. Việc vay mượn giữa các bên có được lập thành giấy tay, có chữ ký của ông G và ông P. Ông P đã cung cấp chứng cứ là bản chính giấy viết tay vay tiền đề ngày 11 tháng 3 năm 2016 giữa ông P và ông G cho Tòa án. Qua phần trình bày của ông P nêu trên đối chiếu với chứng cứ mà ông P đã cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử nhận thấy việc ông G có vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của ông P đã quá hạn trả nợ nhưng vẫn chưa trả nợ gốc là có cơ sở nên căn cứ vào khoản 1 Điều 92, Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận việc ông G còn nợ ông P số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

[3] Về lãi suất phát sinh từ số tiền nợ. Xét thấy theo lời trình bày của ông P và đối chiếu với giấy vay tiền giữa ông P và ông G thì tại thời điểm các bên thỏa thuận vay số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) thì các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay là 3%/01 tháng, lãi trả hàng quý (03 tháng trả lãi một lần). Trong đơn khởi kiện ông P có yêu cầu ông G phải có trách nhiệm trả cho ông P số tiền nợ gốc là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh từ số tiền nợ trên nhưng sau đó ông P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông P chỉ yêu cầu ông G phải trả cho ông P số tiền nợ gốc là 60.000.000đ, còn lãi suất phát sinh thì ông P không yêu cầu ông G phải trả. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của ông P không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần áp dụng Điều 5, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự ghi nhận sự tự nguyện này.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng P về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàn G phải trả cho ông P số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí tòa án.

Ông Nguyễn Hoàn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho ông Nguyễn Hồng P. Ông Nguyễn Hồng P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì những lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Điều 5, khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1, Điều 39; khoản 2 Điều 71; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; cả Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;

**Tuyên xử:**

Đình chỉ đối với yêu cầu tính tiền lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) của ông Nguyễn Hồng P đối với ông Nguyễn Hoàng G.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của ông Nguyễn Hồng P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Nguyễn Hoàn G. Buộc ông Nguyễn Hoàn G phải trả cho ông Nguyễn Hồng P số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Về án phí: Ông Nguyễn Hoàn G phải nộp số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hồng P không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hồng P số tiền 1.860.000đ (Một triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tiền số TU/2016 0005699 ngày 15-8-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hạn kháng cáo 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (14/6/2018), ông P có quyền kháng cáo. Đối với ông G vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản án có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THADS huyện Châu Đức;
- Nhưng người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Văn Dẫn**

